BỘ ĐỀ LUYỆN THI VIOLYMPIC TOÁN LỚP 1

Họ & tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 1**

Bài 1: Hoàn thành phép tính

(Điền các chữ số thích hợp vào chỗ chấm để được phép tính đúng, sau đó viết lại phép tính hoàn chỉnh vào ô đáp án)

Câu 1.1:....6 + 2.... = 48

Câu 1.2: 3.... + 52 = ...6

Câu 1.3: 3... + ...5 = 59

Câu 1.4: ....2 + 31 = 9....

Câu 1.5: 9... - ....1 = 16

Câu 1.6:...7 - 3... = 11

Câu 1.7: 5... - ....1 = 21

Câu 1.8: 7... - ...1 = 24

Câu 1.9:...4 - 12 = 4....

Câu 1.10: 75 + ...3 = 9...

Bài 2: Vượt chướng ngại vật

Câu 2.1: 7... < 71

Câu 2.2: 45 + 14 - ..... = 28

Câu 2.3: 46 - .... + 50 = 84

Câu 2.4: Có tất cả bao nhiêu số lớn hơn 42 nhưng nhỏ hơn 76?

Câu 2.5: Hòa nghĩ ra một số mà khi lấy số đó trừ đi 14 thì cũng được kết quả bằng với kết quả khi lấy 20 cộng với 11. Hỏi Hòa nghĩ ra số nào?

Bài 3: Đỉnh núi trí tuệ

Câu 3.1: Số liền sau số 45 là số: .....

Câu 3.2: Năm nay bố 38 tuổi, con 12 tuổi. Hỏi bố hơn con bao nhiêu tuổi?

Câu 3.3: 73 - 21 + ... = 67

Câu 3.4:... - 34 = 52 - 11

Câu 3.5: Có bao nhiêu số tự nhiên có hai chữ số mà mỗi số đó đều có chữ số 8.

Câu 3.6: Biết số A = 78 - 14. Vậy số liền sau số A là số .....

Câu 3.7: Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số tự nhiên nhỏ hơn 45?

Câu 3.8: Năm nay mẹ 59 tuổi, mẹ hơn con 25 tuổi. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi?

Câu 3.9: 25 - 12 + 46 = 23 + ...

Câu 3.10: Trong lớp 1A, tổ một có 13 bạn. Nếu tổ một thêm 2 bạn nữa thì số bạn ở tổ một bằng số bạn ở tổ hai. Hỏi cả hai tổ có bao nhiêu bạn?

Họ & tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 2**

Bài 1:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

5 - 1 ◯	7 - 5 ◯	6 - 3 ◯	6 + 2 ◯	9 ◯
6 - 5 ◯	5 - 5 ◯	7 - 2 ◯	10 ◯	2 + 4 ◯

Bài 2:Vượt chướng ngại vật.

Tính 1, 5 – 3 = ...

2, 4 – 3 = ...

3, 2 – 1 + 4 = ...

4, 3 + 1 = ...

5, 5 – 2 = ...

Bài 3: Điền vào chỗ .....

1, 3 + 5 = ...

2, 2 + 6 = ...

3, 7 + 1 = ...

4, 6 – 4 = ...

5, 5 – 2 + 3 = ...

6, 4 + 4 = ...

Điền dấu > , < , = vào chỗ .....

7, 2 + 5 ..... 4 – 2 – 1

8, 2 + 2 5

9, 7 – 3 ..... 6 – 6

10, 8 – 2 – 1 ..... 3 + 4

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 3**

Bài 1:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

8 - 4 ◯	8 - 8 ◯	7 + 3 ◯	6 – 3 - 2 ◯	1 + 2 + 5 ◯
7 - 5 ◯	1 + 2 + 3 ◯	3 + 4 ◯	2 + 3 + 4 ◯	9 - 6 ◯

Bài 2:Đi tìm kho báu

Tính 1, 5 + 3 = ...

2, 9 – 4 = ...

3, 8 – 5 + 3 = ...

4, 9 – 3 – 2 = ...

5, 10 – 6 + 3 = ...

6, 1 + 4 + 5 = ...

7, 1 + 2 + 7 = ...

8, 10 – 5 = ...

9, 1 + 3 + 5 = ...

10,10 – 5 – 3 = ...

11,10 – 4 – 3 = ...

12,10 – 7 + 2 = ...

Điền dấu > , < , = vào chỗ .....

13, 8 – 3 + 2 ..... 10 – 3 – 2

14,9 – 5 ..... 8 – 3 - 1

15,9 – 3 ..... 10 – 5 + 3

16,7 – 4 + 2 ..... 10 - 6

Bài 3: Tìm cặp bằng nhau

8 – 4 - 3 ◯	4 + 2 ◯	7 + 2 ◯	8 – 6 - 2 ◯	5 - 4+ 3 ◯
6 – 4 + 3 ◯	5 + 2 ◯	6 + 4 ◯	7 - 4 + 5 ◯	7 – 6 + 4 ◯
5 – 4 + 2 ◯	4 + 5 ◯	9 – 6 + 1 ◯	3 – 2 - 1 ◯	4+ 3 ◯
7 + 3 ◯	5 + 3 ◯	4 – 2 - 1 ◯	8 - 3 - 2 ◯	8 – 2 ◯

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 4**

Bài 1:Tìm cặp bằng nhau

5 + 4 - 3 ◯	6 + 3 - 1 ◯	6 - 2 ◯	9 + 1 ◯
3 + 2 ◯	6 + 1 ◯	4 – 3 - 1 ◯	9 - 4 ◯
2 + 7 - 7 ◯	5 – 5 + 1 ◯	5 + 4 - 1 ◯	5 + 5 ◯
8 + 1 ◯	9 – 3 + 1 ◯	6 - 6 ◯	8 – 3 - 3 ◯
1 + 3 ◯	8 – 3 - 4 ◯	1 + 2 + 3 ◯	9 ◯

Bài 2:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

1 + 2 ◯	10 – 4 - 4 ◯	2 + 7 - 1 ◯	9 - 8 ◯	3 + 4 - 1 ◯
6 – 5 - 1 ◯	3 + 6 - 5 ◯	6 + 3 ◯	6 + 1 ◯	5 + 3 + 2 ◯

Bài 3: Vượt chướng ngại vật.

1, Điền số thích hợp vào chỗ chấm : 6 = 10 - .....

2, Điền dấu (> , < , =) thích hợp vào chỗ chấm: 2 + 6 3

3, Điền số thích hợp vào chỗ chấm : 5 - ..... = 7 – 6 + 3

4, Điền số thích hợp vào chỗ chấm : 9 - 6 + ... = 7

5, Điền số thích hợp vào chỗ chấm : 2 + 4 + ... = 7 + 2 + 1

Họtên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1 : Vòng 5**

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 10 = 5 + ... + 3

2, 3 + 6 = 4 + ...

3, 7 + 2 - ..... = 6

4, Các số 3,6,7,1,9,2 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là 9,....,6,3,2,1.

5, 3 + 4 - 1 < 5 + ... < 8

6, 4 + 6 – 2 = ...

7,Số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 7 là:.....

8,Số tự nhiên nhỏ hơn 8 và lớn hơn 6 là:.....

Điền dấu > , < , = vào chỗ .....

9, 3 + 4 ..... 5 + 2

10, 9 – 5 + 3 – 1 ..... 4 + 2

Bài 2: Tìm cặp bằng nhau

7 + 3 - 9 ◯	7 - 3 - 1 ◯	3 – 2 - 1 ◯	1 + 4 + 4 ◯	1+ 2+ 3 + 4 ◯
2 + 4 - 1 ◯	5 + 4 + 1 ◯	4 + 5 - 7 ◯	2 + 2 + 2 ◯	2 + 8 - 1 ◯
1 + 4 - 2 ◯	8 + 2 - 6 ◯	6 + 3 - 1 ◯	5 + 4 - 3 ◯	3+ 6 - 4 ◯
8 –1 - 6 ◯	5 + 1 - 6 ◯	5 – 3 + 6 ◯	6 + 2 - 4 ◯	6 – 2 - 2 ◯

Bài 3: Cóc vàng tài ba Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 6 - .... = 2 (A.5, B. 4, C. 8, D. 3)

2, 3 + 4 + 2 = ... (A.7, B. 8, C. 6, D. 9)

3,6 – 5 = ... (A.3, B. 2, C. 4, D. 1)

4, 6 + 1 = 8 - ..... (A.3, B. 2, C. 1, D. 7)

5, 9 – 6 + ... = 5 (A.4, B. 2, C. 3, D. 1)

6, 4 + 4 – ..... = 2 (A.5, B. 6, C. 4, D. 3)

7,5 + ... = 7 – 3 + 2 (A.1, B. 4, C. 3, D. 2)

8,Tất cả các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là A. (0,1,2,3,4 và 5) , B. (0,1,2,3, và 4)

C. (2,3,4 và 5) , D. (1,2,3, và 4)

9, 3 + 1 + 2 + 4 = 1 + ... (A.7, B. 9, C. 8, D. 5)

10, Phép tính có kết quả > 4.....< 8 A. (8 – 4 - 1) , B. (3 + 7 - 8)

C. (4 – 2 + 6) , D. (2 + 7 - 3)

Họtên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1 : Vòng 6**

Bài 1:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

9 + 1 ◯	9 – 3 ◯	4 + 4 ◯	11 – 1 - 5 ◯	10 - 6 - 4 ◯
3 ◯	6 + 2 - 7 ◯	5 + 2 ◯	12 - 2 - 1 ◯	3 - 1 ◯

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 10 - 2 = 7 + ...

2, 3 + 6 – 2 = ...

3, Có bao nhiêu số tự nhiên lớn hơn 9 nhỏ hơn 5?.....

4, Số tự nhiên lớn hơn 10 nhỏ hơn 2? .....

5, 4 + 5 > 5 + ... > 3 + 4

6, Có bao nhiêu số tự nhiên từ 0 đến 9? .....

7, Số lớn nhất trong các số 3,9,5,11,1,7 là số?.....

8, Có tất cả .....số tự nhiên lớn hơn 7 nhỏ hơn 12?

Điền dấu (>, < , =)vào chỗ .....

9, 6 + 3 - 2 ..... 5 + 2

10, 3 + 1 ..... 6 + 3 - 5

Bài 3:Đi tìm kho báu

1, Số ..... là số liền sau số 9.

2, 3 + ... – 8 = 6 – 4

3, Có tất cả .....số tự nhiên lớn hơn 6 nhỏ hơn 10

4, Số ..... là số tự nhiên liền trước số 8.

5,Điền dấu (>, < , =)vào chỗ .....

3 + 7 ..... 5 + 4 + 1.

Họtên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1 : Vòng 7**

Bài 1: Vượt chướng ngại vật.

1, Số 12 gồm 1chục và .....đơn vị.

2, Tính 8 + 1 = ...

3, Số lớn nhất trong các số 1,7,12,4,9,3,2,11 là .....

4, Điền dấu (>, < , =) vào chỗ .....

12 ..... 3 + 6

5, Tính 4 + 2 + 3 = ...

Bài 2:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

10 – 2 - 1 ◯	13 + 2 + 1 ◯	4 + 3 + 2 ◯	13 + 4 ◯	9 - 5 - 3 ◯
7 + 3 ◯	6 + 3 - 4 ◯	16 - 4 ◯	14 - 3 + 8 ◯	17 – 2 - 1 ◯
8 – 5 ◯	9- 4 - 3 ◯	13 + 2 ◯	5 + 3 ◯	1+ 2 + 3 ◯
20 ◯	10 - 6 ◯	16 – 3 + 5 ◯	15 – 4 + 2 ◯	12 + 4 - 5 ◯

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 12 + 3 + 4 = ...

2, ... = 7 + 3

3, 12 + 6= .....

4, 9 – 4 = ... + 1

5, 17 – 2 – 1 = ...

6, 8 + 2 – 5 = 7 - .....

Điền dấu (>, < , =)vào chỗ ....

7,12 14

8, 12 .....16 - 5

9, 11 10

10, 13 ..... 12 + 3

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 8**

Bài 1: Cóc vàng tài ba Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 16 – 6 = ... (A.11, B. 10, C. 12, D. 9)

2, 19 – 6 - 1 = ... (A.13, B. 12, C. 11, D. 14)

3, 19 – 7 = ... (A.12, B. 2, C. 13, D. 11)

4, 13 + 4 - 6 = ... (A.15, B. 10, C. 11, D. 12)

5, 12 + 3 – 4 < .....< 19 – 4 – 2 (A.13, B.1 2, C. 14, D. 11)

6, 13 + 5 – ..... = 12 (A.5, B. 6, C. 4, D. 7)

7, ... – 3 = 12 (A.14, B. 15, C. 16, D. 13)

8, ... + 7 = 19 (A.13, B. 10, C. 11, D. 12)

9, 18 – 8 – 2 = ... (A.10, B. 9, C. 8, D. 12)

10, 15 – 5 – 7 = ... (A.13, B. 4, C. 3, D. 2)

Bài 2:Tìm cặp bằng nhau

13+ 4 ◯	18 - 4 - 1 ◯	3 + 2 ◯	15 + 4 - 8 ◯
18 - 5 ◯	5 + 3 ◯	19 – 8 ◯	19 – 5 - 2 ◯
12 - 2 + 7 ◯	17 – 7 + 9 ◯	10 - 9 + 5 ◯	10 - 3 ◯
15 - 5 ◯	17 + 2 ◯	6 – 3 + 5 ◯	19 – 6 + 3 ◯
16 + 3 - 7 ◯	8 – 4 + 1 ◯	1 + 2 + 3 ◯	5 + 2 ◯

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 11 + 3 = ...

2, 10 + 7 = ...

3, 16 + 2 = ...

4, 10 + 3 = ...

5, 11 + 6 = ...

6, 16 - 4 = ...

7,18 – 2 = ...

8, 19 – 3 = ...

9, 17 – 3 = ...

10, 18 – 3 - ..... = 11

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 9**

Bài 1:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

1 + 2 + 4 ◯	70 – 40 - 10 ◯	18 - 2 ◯	15 – 5 - 10 ◯	10 – 8 + 2 ◯
60 – 30 - 20 ◯	15 + 4 - 2 ◯	18 – 8 - 2 ◯	10 + 8 - 4 ◯	5 + 4 - 3 ◯
20 + 30 + 20 ◯	16 – 6 + 2 ◯	10 + 70 - 50 ◯	10 + 8 - 7 ◯	17 - 6 + 8 ◯
50 – 10 + 40 ◯	30 + 50 + 10 ◯	19 – 5 + 1 ◯	13 – 3 - 7 ◯	70 – 40 + 30 ◯

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, Linh có 17 quả bóng bay,Linh cho Hà và Ngọc mỗi bạn 3 quả.Vậy Linh còn lại ..... quả bóng bay?

2,Trong vườn cây ăn quả nhà bác Hồng trước đây có tất cả 50 cây vải.Mùa Xuân vừa rồi bác trồng thêm 2 chục cây vải nữa.Vậy hiện nay số cây vải trong vườn nhà bác Hồng có tất cả ..... cây.

3,Mẹ Lan mua 3 chục quả trứng gà và 2 chục quả trứng vịt.Vậy mẹ Lan mua tất cả số trứng là ..... quả.

4,Hoa có 19 con tem,Hoa cho bạn Mai 4 con tem,cho bạn Linh 3 con tem.Hỏi Hoa còn bao nhiêu con tem? .....

5, ... – 5 + 2 = 19 - 6

6, 30 – 20 + ... = 90

7, 18 – 6 + ... = 15

8, 90 – 60 + ... = 20 + 60

9, Lan có 6 bức tranh ,gồm 3 loại màu xanh,đỏ,tím.Mỗi bức tranh vẽ một màu.Biết số bức tranh màu xanh là nhiều nhất.Em hãy cho biết Lan có bao nhiêu bức tranh vẽ màu xanh?

10, Hiện nay tuổi của hai anh em cộng lại là 14 tuổi.Hỏi 2 năm nữa tuổi 2 anh em cộng lại là bao nhiêu.

Bài 3:Đi tìm kho báu

Tính

1, 50 + 40 – 10 = ...

2, 70 – 40 + 30 = ...

Điền số vào chỗ .....

3, 17 - ..... = 50 – 40 + 2

4,13 – 3 – 7 = 9 - .....

5, 80 - ..... + 5 = 18 – 7 + 4

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 10**

Bài 1: Cóc vàng tài ba Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, 30 + 60 - ..... = 40 + 20 – 10 (A.30, B. 40, C. 10, D. 20)

2, 18 – 6 +1< 15 – 4 + ...< 19 - 4 (A.2, B. 3, C. 4, D. 5)

3, 50 – ..... + 10 = 30 (A.10, B. 20, C. 30, D. 40)

4, 16 – 2 + 5 = ... + 4 (A.13, B. 12, C. 14, D. 15)

5, 60 – 40 + ... = 30 + 40 – 20 (A.10, B.30, C. 50, D. 80)

6, 20 + 50 – 30 < 80 – 40 + ... < 70 – 10 (A.20, B. 10, C. 0, D. 30)

7, ... + 8 + 60 = 90 – 20 (A.2, B. 0, C. 1, D. 3)

8, 50 – 20 + ... = 60 + 10 (A.20, B. 30, C. 40, D. 50)

9, ... – 40 + 20 = 50 + 30 – 10 (A.60, B. 70, C. 80, D. 90)

10, 15 – 3 + 6> ..... – 5 + 3>6 + 4 +6 (A.18, B. 17, C. 19, D. 20)

Bài 2:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

30 -20 + 3 ◯	5 + 3 - 6 ◯	6 – 4 + 5 ◯	20 – 10 + 9 ◯	80 – 60 + 30 ◯
10 + 9 - 1 ◯	18 - 3 ◯	20 + 50 – 10 ◯	13 – 3 - 10 ◯	14 – 4 - 1 ◯
6 + 4 + 7 ◯	20 + 40 + 20 ◯	17 – 7 - 6 ◯	80 – 20 - 40 ◯	6 + 4 + 60 ◯
50 + 20 - 60 ◯	19 – 4 - 3 ◯	4 + 5 - 3 ◯	50 + 30 + 10 ◯	70 – 60 + 1 ◯

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, Số lớn nhất có 2 chữ số mà 2 số đó cộng lại bằng 10 là số?.....

2,Tính: 60 + 30 – 40 = ...

3,Số ..... là số liền trước số79.

4, Số 46 là số liền sau số.....

5, Quân có 30 cái bánh ,Quân cho Hoàng 20 cái bánh .Mẹ cho Quân thêm 7 cái bánh.Vậy Quân còn lại ..... cái bánh.

6,90 – 20 – 30 = ... + 60 - 40

7, Sau khi An cho Bình 5 viên bi.Bình cho Cường 3 viên bi rồi Cường lại cho An 2 viên bi thì mỗi bạn đều có 15 viên bi. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu viên bi? .....

8, 15 + 2 – ..... = 18 – 6 + 2

9, Hiện nay tuổi của hai anh em cộng lại là 13 tuổi.Hỏi 3 năm nữa tuổi 2 anh em cộng lại là bao nhiêu? .....

10, Cho 3 số khác nhau,các số đó đều là số chẵn chục có 2 chữ số và đem 3 số đó cộng lại thì bằng 70.Tìm số lớn nhất trong 3 số đó.

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 11**

Bài 1: Vượt chướng ngại vật.

1,Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có 2 chữ số mà 2 chữ số của mỗi số đó giống nhau?..... .

2,Số lớn nhất có 2 chữ số mà 2 chữ số của số đó cộng lại bằng 9?.....

3,Hỏi với 4 chữ số 1,3,5,7 em viết được bao nhiêu số có 2 chữ số nhỏ hơn 52?.....

4,Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có 2 chữ số khác nhau mà 2 chữ số của mỗi số đó cộng với nhau bằng 6?.....

5,Hỏi với 4 chữ số 0,2,4,6 em viết được bao nhiêu số có 2 chữ số khác nhau?.....

Bài 2:Tìm cặp bằng nhau

29 - 24 ◯	56 – 45 + 2 ◯	70 – 30 - 30 ◯	21 + 75 - 13 ◯
79 - 63 ◯	32 + 42 ◯	11 + 2 ◯	13 - 3 ◯
86 - 12 ◯	70 – 20 + 6 ◯	96 – 35 + 22 ◯	69 - 61 ◯
37 + 42 - 23 ◯	88 - 71 ◯	18 + 1 - 14 ◯	19 – 6 + 3 ◯
35 – 24 + 6 ◯	30 – 20 -10 ◯	7 + 3 - 10 ◯	16 – 6 - 2 ◯

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ .....

1, Số có 2 chữ số bé nhất mà 2 chữ số của số đó trừ cho nhau bằng 0 ?.....

2, Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có 2 chữ số nhỏ hơn 68?..... .

3, Tìm số có 2 chữ số mà 2 chữ số của số đó cộng lại thì bằng 6 còn 2 số đó trừ cho nhau thì bằng 0?.....

4, Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có 2 chữ số lớn hơn 65?.....

5, Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có 2 chữ số mà các số đó đều có chữ số 7?....

6, ... + 4 – 6 < 19 – 9 - 9

7,Sau khi An cho Bình 5 viên bi ,Bình cho Cường 3 viên bi và Cường cho An 2 viên bi thì mỗi bạn đều có 14 viên bi.Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu viên bi?.....

8, An nghĩ ra một số mà lấy số đó cộng với 12 thì cũng bằng kết quả khi lấy 69 – 12?....

Điền dấu (>, < , =)vào chỗ ....

9, 50 + 40 – 60 ..... 80 – 40 + 10

10, 17 – 3 + 4 ..... 12 + 6 - 5

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 12**

Bài 1:Đi tìm kho báu

1,An có 65 con tem.An cho Hòa và Bình mỗi bạn 10 con tem.Hỏi An còn lại bao nhiêu con tem?.....

2, 55 - ..... + 14 = 48.

3, Hãy cho biết có bao nhiêu số có 2 chữ số khác nhau nhỏ hơn 35?.....

4, Bình hỏi Minh năm nay chị bao nhiêu tuổi?Minh đáp tuổi mình nhiều hơn 15 tuổi nhưng ít hơn 17 tuổi .Mình kém chị mình 3 tuổi.Hỏi chị của bạn Minh năm nay bao nhiêu tuổi.?.....

5,Hãy cho biết có bao nhiêu số có 2 chữ số mà 2 chữ số đó hơn nhau 1 đơn vị?.....

Bài 2:Sắp xếp các ô có giá trị tăng dần:

42 + 47 - 10 ◯	50 – 20 - 20 ◯	43 + 14 - 32 ◯	62 – 51 + 22 ◯	70 – 40 + 20 ◯
57 – 7 - 50 ◯	16 – 6 - 3 ◯	48 - 31 ◯	39 - 20 ◯	51 + 23 ◯
37 + 60 - 31 ◯	28 - 24 ◯	6 + 4 - 7 ◯	90 – 50 + 40 ◯	97 - 34 ◯
99 - 11 ◯	33 + 44 + 22 ◯	26 + 13 ◯	65 + 12 - 35 ◯	86 - 71 ◯

Bài 3: Cóc vàng tài ba Điền số thích hợp vào chỗ .....

1,Một mảnh vải dài 84 m,Lan cắt bỏ đi 23 m.Hỏi mảnh vải còn lại dài bao nhiêu cm?

(A.41, B. 61, C. 51, D. 71)

2,Số thích hợp điền vào chỗ .... là: 47 + 31 – 36 = ... (A.72, B. 42, C. 62, D. 52)

3,Chọn phép tính có kết quả bằng 78 trong các phép tính dưới đây.

(A.33+44, B. 89 - 13, C. 43+35, D. 44 + 35)

4, Năm nay tuổi của 2 anh em cộng lại là 67 tuổi.Hỏi 3 năm trước tuổi của 2 anh em cộng lại là bao nhiêu tuổi? (A. 94, B. 95, C. 73, D. 61)

5,Tìm số lớn nhất có 2 chữ số mà 2 chữ số của số đó lớn hơn nhau 2 đơn vị?

(A.13, B.64, C. 97, D. 75)

6,Hòa 29 tuổi,Bình ít hơn Hòa 4 tuổi,Nga hơn Bình 3 tuổi.Hỏi bạn Nga bao nhiêu tuổi.?

(A.28, B. 31, C. 29, D. 30)

7,Hãy cho biết từ 15 đến 19 có bao nhiêu số có 2 chữ số.?

(A.20, B. 23, C. 24, D. 25)

8, Hãy cho biết có bao nhiêu số lớn hơn 25 và nhỏ hơn 48.

(A.22, B. 29, C. 20, D. 31)

9,Tất cả các số có 2 chữ số khác nhau viết được từ các chữ số 0,1,3 cộng lại với nhau được kết quả là: (A.84, B. 85, C. 94, D. 95)

10,Trong hình bên có ..... tam giác?

(A.8, B. 7, C. 6, D. 4)

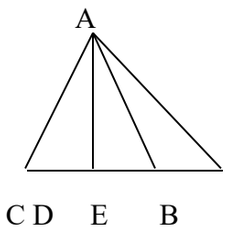

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 13**

Bài 1: Sắp xếp các giá trị theo thứ tự tăng dần.

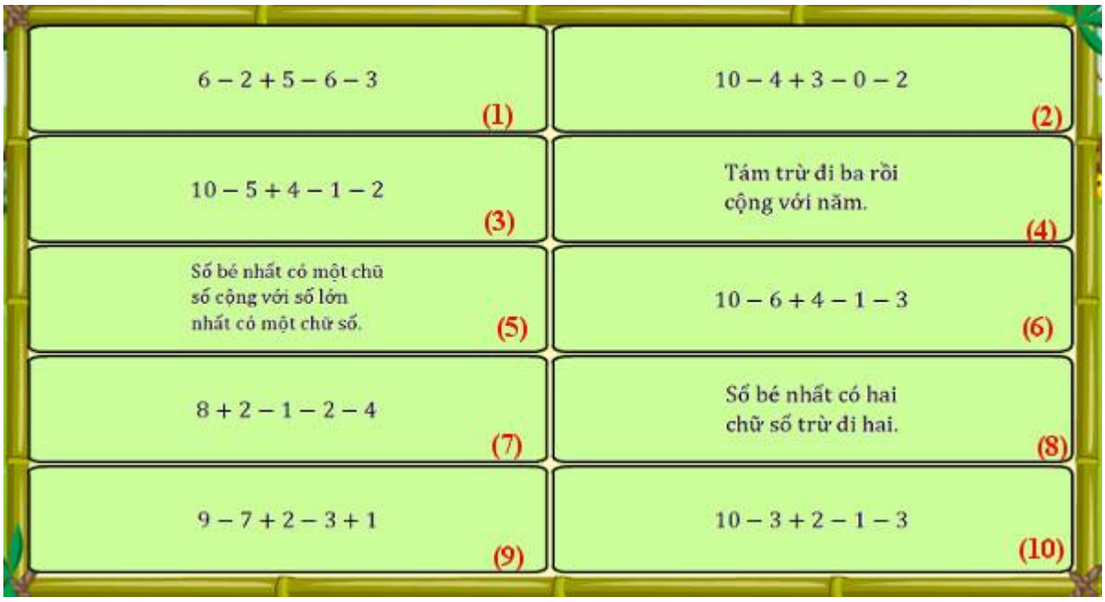

Bài 2: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Câu 2.1: 7 - 6 + ... + 0 = 3 + 6 - 2

Câu 2.2: 10 - ..... - 1 + 2 = 4 - 2 + 3 + 3

Câu 2.3: 2 + 7 - 1 + 2 = 4 + ... + 3 + 2

Câu 2.4: 9 - 1 - 2 = 9 - ..... + 4

Câu 2.5: 10 - ..... + 2 = 3 - 0 + 6

Câu 2.6: Khi lấy một số trừ đi số liền trước của số đó thì được kết quả bằng bao nhiêu?

Câu 2.7: 8 - ..... + 3 = 5 + 3 + 0 + 2

Câu 2.8: 10 - 1- 6 > 9 - ..... > 9 - 0 - 8

Câu 2.9: 10 - 7 + 2 - 1 + 2 = 9 - ..... + 1 + 2 - 1

Câu 2.10: 9 - 1 - 2 < 10 - ..... + 5 < 9 - 3 + 2

Bài 3: Đi tìm kho báu

Câu 3.1: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm: 10 - 1 - 3 > 1 + ... > 5 - 3 + 2

Câu 3.2: Số lớn hơn 8 nhưng nhỏ hơn 10 là số nào?

Câu 3.3: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm: 9 - 4 + 1 - 3 ..... 9 - 5 - 1 + 4

Câu 3.4: Bạn hãy điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 10 - ..... + 3 = 3 - 0 + 6 + 1

Câu 3.5: Bạn hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm:..... - 2 + 5 + 2 - 1 = 6 + 3 - 1 + 2 - 2

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 14**

Bài 1: Đỉnh núi trí tuệ

Câu 1.1:

Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu điểm?

Câu 1.2:

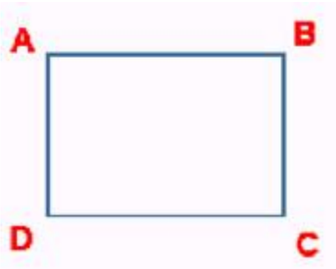

Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?

Câu 1.3:

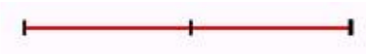

Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?

Câu 1.4: Từ 1 đến 11 có bao nhiêu khoảng cách?

Câu 1.5:

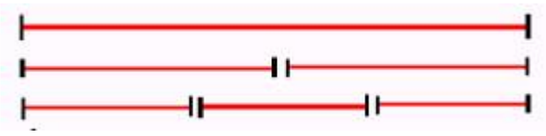

Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?

Câu 1.6: Số mười một được viết là: .....

Câu 1.7: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm: 9 - 5 + 1 + 2 ..... 9 - 5 - 1 + 2 + 3

Câu 1.8: Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm cho thích hợp: 10 - 3 - 1 + 2 - 1 ..... 9 - 1 - 2 + 0

Câu 1.9: Số mười hai được viết là: .....

Câu 1.10: Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó cộng thêm 1 thì bằng 20.

Bài 2: Sắp xếp các giá trị theo thứ tự tăng dần.

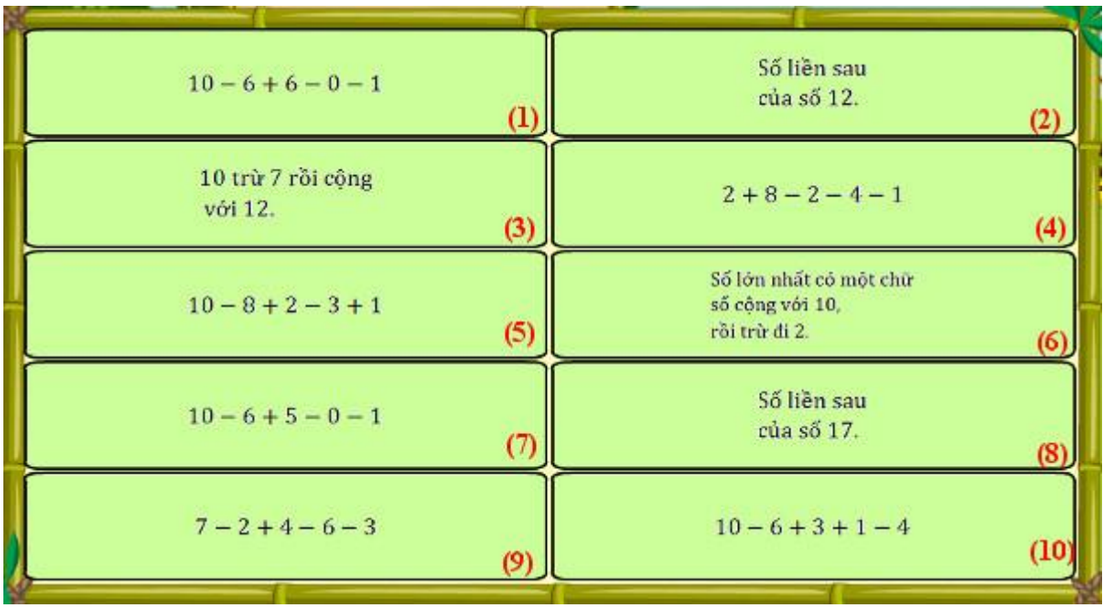

Bài 3: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm

Câu 3.1: Kết quả của phép tính: 4 + 5 – 2 - 5 là số liền trước của số nào?

Câu 3.2: Kết quả của phép tính: 10 – 3 + 1 - 6 là số liền sau của số nào?

Câu 3.3: 10 – 2 – 4 + 5 = ... – 0 – 4 + 3

Câu 3.4: 8 cộng với số nào để bằng 5 cộng với 3 rồi cộng với 2.

Câu 3.5: Linh mua 4 quả cà chua. Vy mua nhiều hơn Linh 1 quả. Hỏi cả hai bạn mua bao nhiêu quả cà chua?

Câu 3.6: 10 – 8 + ... – 1 = 2 + 8 – 1 - 4

Câu 3.7:

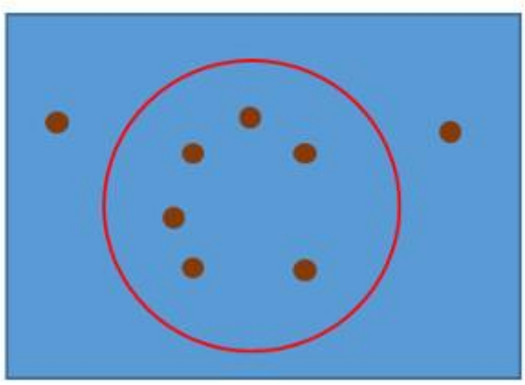

Hình dưới đây có bao nhiêu điểm?

Câu 3.8: 9 – 4 – 2 + 6 – 1 = 7 – ..... + 2 – 1 + 2

Câu 3.9: 10 – 7 + 2 – 1 + 2 = 9 – ..... + 1 + 2 - 1

Câu 3.10: Hãy điền dấu >; <; = vào chỗ... cho thích hợp nhé!

10 – 6 + 5 – 1 + 2 ..... 9 – 7 + 6 – 2 + 3

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 15**

Bài 1: Cóc vàng tài ba

Câu 1.1: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 10 + 7 - ..... = 15

a. 3 b. 4 c. 2 d. 1

Câu 1.2: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 13 + ... - 3 = 15

a. 8 b. 6 c. 3 d. 5

Câu 1.3: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 11 + ... + 4 = 19

a. 2 b. 5 c. 4 d. 3

Câu 1.4: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 10 - 9 + 18 - ..... = 10

a. 8 b. 9 c. 10 d. 7

Câu 1.5: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 19 - 4 + 2 > ..... - 2 + 10 > 12 + 3

a. 5 + 4 b. 3 + 4 c. 8 d. 8 + 1

Câu 1.6: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 15 - 2 + ... = 13 + 6 - 1

a. 1 + 6 b. 3 + 1 c. 8 - 6 d. 5

Câu 1.7: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 12 + 7 - 3 < ..... + 10 < 5 + 12 + 1

a. 2 + 6 b. 3 + 6 c. 8 d . 17 - 10

Câu 1.8: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 12 + ... + 4 - 1 = 19 - 4

a. 3 b. 2 c. 0 d. 1

Câu 1.9: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 10 - ..... + 10 + 2 = 19 - 4 - 3 + 5

a. 6 b. 3 c. 5 d. 4

Câu 1.10: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau: 17 - 7 + 5 < ..... < 10 + 4 + 5 - 2

a. 13 + 4 b. 16 - 1 c. 10 + 5 d. 11 - 1 + 6

Bài 2: Tìm cặp bằng nhau

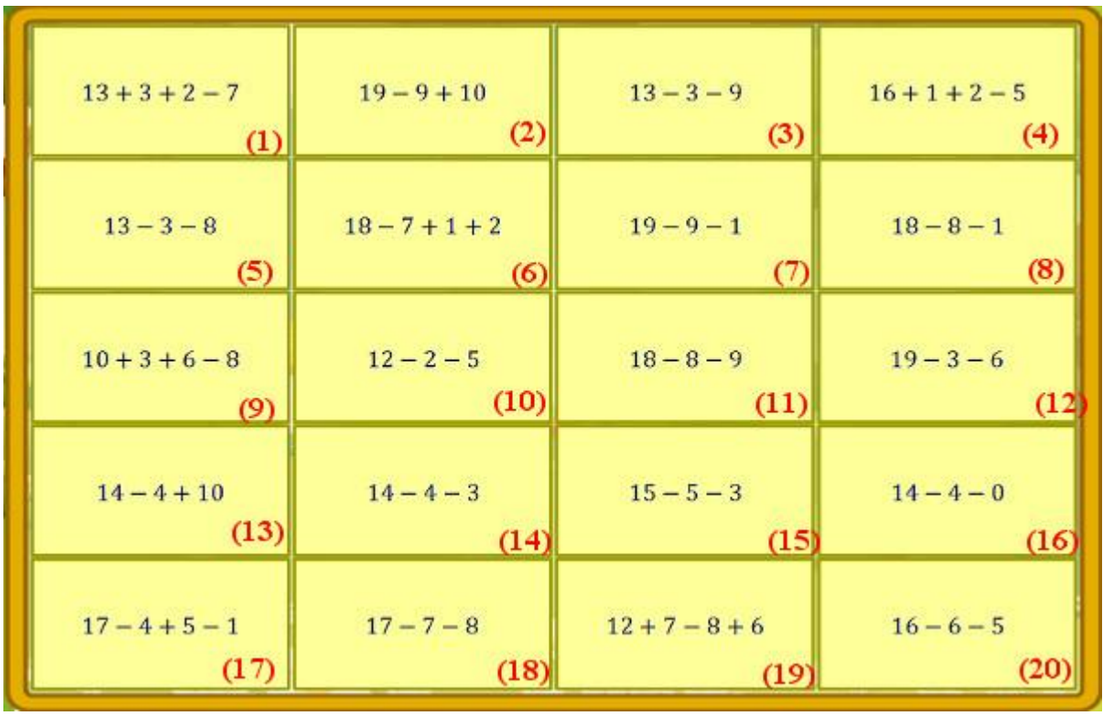

Bài 3: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm

Câu 3.1: 19 – 2 – 7 + 5 = 18 – .....+ 5

Câu 3.2: Có bao nhiêu số tự nhiên lớn hơn 12 và nhỏ hơn 18?

Câu 3.3: 13 cộng với số nào để bằng 16 cộng với 3 rồi trừ đi 4.

Câu 3.4: 13 - 2 + 4 + 3 = 6 + 2 + ...

Câu 3.5: Số liền trước của số 15 cộng với 3 bằng bao nhiêu?

Câu 3.6: Số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng bao nhiêu?

Câu 3.7: Hùng vẽ được 10 hình tròn. Tâm vẽ được 4 hình tròn. Hỏi cả hai bạn vẽ được bao nhiêu hình tròn?

Câu 3.8: 4 – 2 + 15 + 2 – 6 = 11 + 5 + 3 – ..... - 2

Câu 3.9: 18 – ..... + 2 – 1 + 2 = 9 – 6 + 15 – 2 + 0

Câu 3.10: Số nào cộng với 16 thì được 10 cộng với số lớn nhất có một chữ số?

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 16**

Bài 1: Sắp xếp các giá trị theo thứ tự tăng dần

18 – 8 – 2 (1)	10 – 1 – 2 (2)
80 – 70 + 6 (3)	Số liền trước của số 2 (4)
15 – 1 (5)	9 – 5 – 2 (6)
50 – 10 – 20 (7)	2 + 2 + 2 (8)
90 – 40 – 40 (9)	19 – 5 – 2 (10)

Bài 2: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm nhé!

Câu 2.1: ...cm + 30cm = 10cm + 20cm + 10cm

Câu 1.2: Cho các số: 20; 43; 25; 18; 16; 99; 21; 84; 19; 80; 59. Số bé nhất trong các số đã cho là số nào?

Câu 2.3: Số thích hợp điền vào chỗ chấm là .....

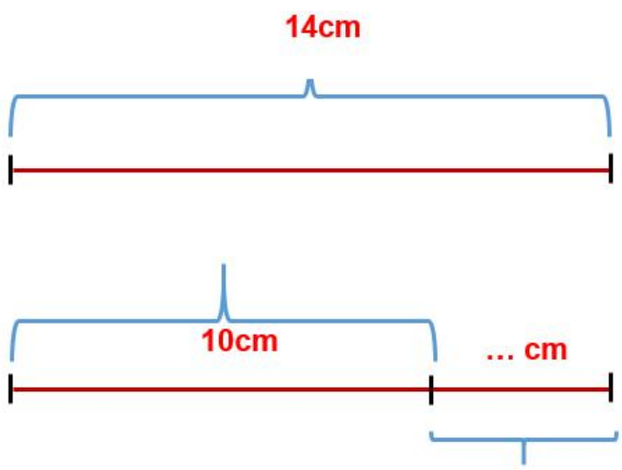

Câu 2.4: An có 50 viên bi. An cho Tùng 40 viên. Hỏi An còn bao nhiêu viên bi?

Câu 2.5: Tìm một số tròn chục, biết khi cộng số đó với 30 thì được kết quả nhỏ hơn 70 nhưng lớn hơn kết quả của phép cộng 30 với 20.

Câu 2.6: Tìm một số, biết số đó cộng với 10 rồi trừ đi 20, rồi lại cộng với 60 thì bằng 90.

Câu 2.7: An có 40 quyển vở. Bình có 20 quyển vở. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu quyển vở?

Câu 2.8: Từ 20 đến 60 có bao nhiêu số tròn chục?

Câu 2.9: Ngăn trên có 60 quyển sách, ngăn dưới có 40 quyển sách. Hỏi phải chuyển bao nhiêu quyển sách từ ngăn trên xuống ngăn dưới để hai ngăn có số quyển sách bằng nhau?

Câu 2.10: Số liền trước của số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng bao nhiêu?

Bài 3: Đi tìm kho báu

Câu 3.1: Số tròn chục liền sau của số 30 cộng với 40 bằng bao nhiêu?

Câu 3.2: Số nào cộng với 30 thì bằng 70?

Câu 3.3: Lớp 1A có 40 học sinh, lớp 1B có 30 học sinh, lớp 1C có 20 học sinh. Hỏi cả ba lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

Câu 3.4: Số nào cộng với 20 rồi cộng với 30 thì bằng 90?

Câu 3.5: Tuấn nghĩ ra một số, biết rằng số đó cộng với 2 rồi trừ đi 3 thì bằng 14. Hỏi Tuấn nghĩ ra số nào?

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 17**

Bài 1: Vượt chướng ngại vật

Câu 1.1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 80cm – 60cm + 60cm = 50cm + ...cm.

Câu 1.2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 70cm – 50cm + 20cm = 30cm + ...cm.

Câu 1.3: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm: 80 – 50 + 30 + 20 ..... 70 – 40 + 20 + 20

Câu 1.4: Có hai thùng cam. Thùng thứ nhất có số quả cam là số chẵn nhỏ nhất có hai chữ số. Thùng thứ hai hơn thùng thứ nhất 20 quả. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu quả cam?

Câu 1.5: Số lớn nhất có hai chữ số mà khi cộng hai chữ số của số đó với nhau thì bằng 9 là số nào?

Bài 2: Sắp xếp các giá trị theo thứ tự tăng dần

Bài 3: Hãy điền số thích hợp vào chỗ chấm

Câu 3.1: Năm nay anh hơn em 12 tuổi. Hỏi 7 năm nữa anh hơn em bao nhiêu tuổi?

Câu 3.2: Cho ba số khác nhau, các số đó đều là số chẵn chục có hai chữ số và đem ba số cộng lại với nhau thì bằng 60. Tìm số lớn nhất trong ba số đó.

Câu 3.3: Từ 30 đến 80 có bao nhiêu số tròn chục?

Câu 3.4: Mai có 50 cái kẹo. Sau khi Mai cho Hồng một số cái kẹo thì Mai còn 40 cái kẹo. Hỏi Mai cho Hồng bao nhiêu cái kẹo?

Câu 3.5: Tìm số tròn chục, biết lấy số đó cộng với 20 cũng bằng 90 trừ cho 20.

Câu 3.6: Điền số tròn chục thích hợp vào chỗ chấm: 90 – 40 + 20 – 20 > 70 - ..... > 10 + 20

Câu 3.7: Cho các số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9. Viết được tất cả bao nhiêu số tròn chục không lớn hơn 80?

Câu 3.8: Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số đều có chữ số 0?

Câu 3.9: Hiện nay, con 5 tuổi, mẹ hơn con 30 tuổi, bố hơn mẹ 10 tuổi. Hỏi bố hơn con bao nhiêu tuổi?

Câu 3.10: Thơm nghĩ ra một số, biết rằng số đó cộng với 40 rồi trừ đi 20, rồi cộng thêm 50 thì bằng 80. Hỏi Thơm nghĩ ra số nào?

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 18**

Bài 1: Vượt chướng ngại vật

Câu 1.1: Số bé nhất trong các số: 45; 37; 73; 51; 27; 72; 34; 56; 65; 39 là số nào?

Câu 1.2: Lan có 19 quyển vở. Lan cho Hoa và Bình mỗi bạn 4 quyển vở. Vậy Lan còn lại ..... quyển vở.

Câu 1.3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 18 - 2 + 3 = 19 - 7 + ...

Câu 1.4: Em hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà hai chữ số của mỗi số đó đều giống nhau.

Câu 1.5: Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà hai chữ số của mỗi số đó cộng lại với nhau thì bằng 8?

Bài 2: Cóc vàng tài ba

Câu 2.1: Trong các số: 8; 9; 11; 14; 18; 23; 29; 36; 44. Có ..... số có hai chữ số.

a. 8 b. 9 c. 7 d. 11

Câu 2.2: 12 + 7 - 4 = 6 + 4 + ... Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 7 b. 5 c. 6 d. 4

Câu 2.3: Tính: 30cm - 20cm + 8cm = ...

a. 10cm b. 18cm c. 18 d. 10

Câu 2.4: 80 - 30 + 10 = ... Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 60 b. 40 c. 50 d. 30

Câu 2.5: 18 - 3 + 4 = 16 - 5 + ... Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 9 b. 7 c. 8 d. 6

Câu 2.6: Lớp 1A có 20 học sinh nam và 10 học sinh nữ. Lớp 1B có 10 học sinh nam và 20 học sinh nữ. Như vậy, cả hai lớp có số học sinh là ..... học sinh.

a. 80 b. 70 c. 60 d. 50

Câu 2.7: Có bao nhiêu số lớn hơn 12 và nhỏ hơn 19?

a. 12 b. 8 c. 6 d. 17

Câu 2.8: Cho: 5...> 58. Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a. 8 b. 61 c. 9 d. 60

Câu 2.9: Từ 9 đến 19 có ..... chữ số 1.

a. 10 b. 12 c. 9 d. 11

Câu 2.10: Cho các chữ số: 2; 3; 8. Hỏi lập được tất cả bao nhiêu số có hai chữ số từ các chữ số đã cho.

a. 6b. 7 c. 8 d. 9

Bài 3: Hãy điền số thích hợp vào chỗ .... nhé!

Câu 3.1: Cho các số: 13; 67; 35; 18; 12; 45; 87; 81; 11; 54; 78; 89. Tìm số nhỏ nhất trong các số đã cho.

Câu 3.2: Tìm một số, biết số đó cộng với 6 rồi trừ đi 5 thì bằng 12.

Câu 3.3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 16 + 3 - 7 < .....- 6 < 11 + 6 - 3

Câu 3.4: Tìm số có hai chữ số, biết số đó bớt đi 2 đơn vị thì được số bé nhất có hai chữ số khác nhau.

Câu 3.5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 15 + 4 - 3 > 4 + 6 + ... > 15 - 3 + 2

Câu 3.6: Cho các chữ số:1; 7; 8. Viết số bé nhất có hai chữ số từ các số đã cho.

Câu 3.7: Cho các chữ số: 5; 4; 8; 1; 7; 3; 9; 2; 6. Hãy viết số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau được tạo bởi các chữ số đã cho.

Câu 3.8: Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số đều có chữ số 0?

Hãy điền dấu >; < ; = vào chỗ ... cho thích hợp nhé!

Câu 3.9: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 18 - 6 + 7 ..... 15 + 2 + 2

Câu 3.10: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 12 + 6 - 5 ..... 15 + 2 - 3

Họ&tên:..... **ĐỀ THI VIOLYMPIC TOÁN 1: Vòng 19**

Bài 1: Đi tìm kho báu

Câu 1.1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 18 - 6 + ... = 15 + 4 - 2

Câu 1.2: Cho các số: 67; 76; 34; 11; 12; 28. Số bé nhất trong các số đã cho là số nào?

Câu 1.3: Tìm số bé nhất có hai chữ số, biết hai chữ số của số đó trừ cho nhau bằng 1.

Câu 1.4: Tìm số bé nhất có hai chữ số, biết hai chữ số của số đó trừ cho nhau thì bằng 5.

Câu 1.5: Hãy cho biêt có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số, biết hai chữ số của số đó cộng lại với nhau thì bằng 9.

Bài 2: Hãy điền số thích hợp vào chỗ .... nhé!

Câu 2.1: Tuấn làm được 20 bài toán, Nhung làm được 10 bài toán, Hạnh làm được 10 bài toán. Hỏi cả ba bạn làm được bao nhiêu bài toán?

Câu 2.2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 2 + 8 + ... = 15 + 3 - 2

Câu 2.3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 1 + 14 + 3 > 10 + ... > 10 + 6 + 0

Câu 2.4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 14 + 3 - 6 = ... - 7

Câu 2.5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 2 + 14 + 2 < ..... < 7 + 3 + 10

Câu 2.6: Đoạn thẳng thứ nhất và đoạn thẳng thứ hai, mỗi đoạn dài 10cm, đoạn thẳng thứ ba dài 20cm. Hỏi cả ba đoạn thẳng đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Câu 2.7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 7 + 3 + ... = 18 - 2 - 1

Câu 2.8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... + 15 + 1 = 6 + 12 + 1

Câu 2.9: Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số đều có chữ số 2?

Câu 2.10: Em hãy cho biết có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số lớn hơn 13 nhưng không lớn hơn 33?

Bài 3: Cóc vàng tài ba

Câu 3.1: Tính: 12 + 7 - 4 = ...

a. 17 b. 15c. 14 d. 16

Câu 3.2: Tính: 30cm - 20cm + 6cm = ...

a. 10 b. 16cm c. 18cm d. 10cm

Câu 3.3: Trong các số: 8; 9; 11; 14; 96; 23; 29; 36; 87.

a. 11b. 9 c. 8 d. 7

Câu 3.4: Tính: 30 + 10 = ...

a. 40 b. 30 c. 60 d. 50

Câu 3.5: Lớp 1A có 20 bạn nam và 10 bạn nữ. Như vậy, lớp 1A có ... bạn.

a. 20 b. 30 c. 50 d. 40

Câu 3.6: Tính: 12cm + 5cm = 19cm - .....

a. 5cm b. 12cm c. 2cm d. 2

Câu 3.7: Cho: 6... > 68. Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

a. 9 b. 6 c. 8 d. 7

Câu 3.8: Có bao nhiêu số có hai chữ số lớn hơn 12 và nhỏ hơn 18?

a. 7 b. 6 c. 5 d. 4

Câu 3.9: Từ 6 đến 16 có ..... chữ số.

a. 21 b. 18 c. 10 d. 25

Câu 3.10: Nam có 19 viên bi. Nam cho Thành và Long mỗi bạn 4 viên bi. Như vậy lúc này Nam có ..... viên bi.

a. 11 b. 12 c. 14 d. 13